

KINH

TƯỢNG ĐẦU TINH XÁ

Đại Chánh Tân Tu, Bộ Kinh Tập,

số 0466, Nguyên tác: [1]

Hán dịch: Đồi Tùy, Tam tạng Tì Ni Đa Lưu Chi

người nước Thiên Trúc.

Việt dịch: Ns Tuệ Thành

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Thu Đình - Diệu Hương Thủy - thuhoaidinh.hn@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

---o0o---

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe: Một thời, đức Bà-già-bà¹ ngụ tại tinh xá Tượng Đầu, thành Già-da.²

Bấy giờ, Như Lai thành Phật chưa lâu, Ngài cùng với một nghìn đại tì-kheo và vô số chúng đại bồ-tát nhóm họp. Các đại tì-kheo này là những người xưa kia đã từng theo tiên nhân Loa Kế³ tu tập, các vị ấy đều là bậc A-la-hán, việc làm đã xong, buông bỏ gánh nặng, thoát khỏi sinh tử, sạch các phiền não, đạt được không tuệ bình đẳng, trí tâm chính định, hiểu biết mọi việc, đã đến bờ giác.

Lúc ấy Thế Tôn ngồi yên lặng tư duy, nhập các môn tam-muội, quán sát khắp pháp giới, tự biết đã thành đạo, đầy đủ Nhất thiết trí, các việc làm đã xong, buông bỏ mọi gánh nặng, vượt qua dòng sinh tử, không còn tham lam bôn xển, nhổ gai ba độc, không còn khát ái⁴, gom thuyên đại pháp, giống trống đại pháp, thổi kèn đại pháp, dựng cờ đại pháp, đã đoạn sinh tử. Ngài diễn thuyết chính pháp:

- Đóng cửa các đường ác, mở cửa các đường thiện, lìa hẳn những cõi xấu, dạo nơi cõi tịnh. Ta quán sát pháp này, ai là người tu tập bồ-đề, ai là người chứng bồ-đề

và ai là người sắp chứng bồ-đề? Từ đời quá khứ, hiện tại cho đến vị lai, ai là người chứng đắc? Là thân chứng đắc hay tâm chứng đắc?

Nếu dùng thân chứng thì thân này vô tri, giống như cỏ, cây, cát, đá, tường, vách không có sự hiểu biết! Thân này do bốn đại hòa hợp, được cha mẹ sinh ra, luôn cần ăn uống, quần áo, tắm rửa, xoa bóp, nhưng cuối cùng rồi cũng hư hoại, là pháp không bền chắc. Còn bồ-đề kia, chỉ có tên rỗng và không có tướng thật, không thanh, không sắc, không thành tựu, không thể thấy, không thể vào, không thể biết, không đi, không đến, v.v... và các pháp này cũng không thể ràng buộc nó. Bồ-đề có khả năng vượt qua các pháp, vượt ngoài tam giới; không thể thấy, không thể nghe, không có ngã và ngã sở, không người tạo tác, không có xứ sở, không có hang động, không nắm giữ, không dính mắc, không ra, không vào, không mong cầu, không trụ, không tướng, không mạo, không đây, không kia, không thể chỉ bày, giống như huyền hóa, chỉ do mười hai nhân duyên sinh, không nơi chốn, không thể thấy, lìa tướng, như hư không hiện, vắng lặng, không âm thanh, không tiếng vang, không văn tự, cũng không nói năng. Nếu biết như thế, gọi là bồ-đề.

Nếu dùng tâm chứng đắc, thì tâm này không có định, như huyền hóa, đều do nghiệp vọng tưởng quá khứ mà sinh, không hình tướng, không thể nắm bắt, giống như hư không. Bồ-đề không có nơi chốn; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; không có tất cả pháp; tuy vẫn nói năng nhưng có danh mà không thật. Đó là pháp vô vi, là không, vô tướng, vô tác, chẳng có, chẳng không, chẳng thể chỉ bày, không thể nói, không thể nghe. Bồ-đề chẳng phải từ quá khứ để được, chẳng phải từ vị lai để được, chẳng phải nơi hiện tại mà được, cũng không thể lìa ba đời mà có được. Bồ-đề không có tướng, chẳng tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác. Nếu có thể hiểu rõ pháp ba đời như thế, tức là bồ-đề”.

Khi ấy, bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nếu vô tướng là bồ-đề, thì hiện tại các thiện nam và thiện nữ an trụ vào đâu để thành tựu bồ-đề?

Phật bảo bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Các bồ-tát học bồ-đề nên an trụ như thế!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Các bồ-tát nên an trụ như thế nào?

Phật bảo bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Bồ-đề vượt trên ba cõi, ngoài sự nói năng, lìa các văn tự, không có trụ xứ. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Đại bồ-tát trụ mà không có chỗ trụ là trụ bồ-đề; trụ mà không chấp trước là trụ bồ-đề; trụ nơi “pháp không” là trụ bồ-đề; trụ vào pháp tính là trụ bồ-đề; trụ vào tất cả pháp không có thể tướng là trụ bồ-đề; trụ vào niềm tin vô lượng là trụ bồ-đề; trụ không tăng giảm là trụ bồ-đề; trụ mà không có niệm khác là trụ bồ-đề, trụ như bóng trong gương, như tiếng vang trong hang trống, như trăng trong nước, như sóng nắng. Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát trụ vào các pháp như thế là trụ bồ-đề.

Khi ấy, thiên tử Tịnh Quang Diệm thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Thưa Bồ-tát! Tu tập như thế nào và những nghiệp gì là hạnh Bồ-tát?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời:

- Nay thiên tử! Khởi tâm đại từ với chúng sinh là hạnh Bồ-tát.

Thiên tử lại thưa:

- Thưa Bồ-tát! Các Bồ-tát tu tập như thế nào để khởi tâm đại từ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Nay thiên tử! Không có tâm nịnh bợ, lừa dối là tâm đại từ của Bồ-tát.

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Tu tập như thế nào để không nịnh bợ, lừa dối?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, chính là không nịnh bợ, lừa dối!

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Các đại Bồ-tát tu tập như thế nào để khởi tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Bồ-tát không khởi tâm phân biệt đây-kia, không có các dị kiến⁵ là hạnh bình đẳng.

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Các đại Bồ-tát phải tu tập như thế nào để không có tâm phân biệt đây-kia, không có các dị kiến và khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Các Bồ-tát nên khéo léo nhớ nghĩ, cung kính, không phân biệt đây-kia, không có các dị kiến, bình đẳng với các pháp.

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Các đại Bồ-tát tu tập như thế nào để khởi tâm khéo léo nhớ nghĩ, cung kính cho đến không có tâm phân biệt đây-kia và các dị kiến?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Các Bồ-tát tu tập, do phát tâm Bồ-đề mà khéo léo nhớ nghĩ và cung kính.

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Tâm Bồ-đề từ đâu mà phát khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ sáu ba-la-mật mà phát khởi tâm Bồ-đề.

Thiên tử:

- Thưa Bồ-tát! Sáu ba-la-mật do đâu mà khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ trí tuệ phương tiện mà phát khởi sáu ba-la-mật.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Trí tuệ phương tiện từ đâu mà phát khởi ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ tâm không buông lung mà phát khởi trí tuệ phương tiện.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Tâm không buông lung từ đâu khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Do tu tập ba nghiệp thiện mà khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Tu ba nghiệp thiện từ đâu phát khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ việc tu tập mười nghiệp thiện khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Tu mười nghiệp thiện từ đâu phát khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ chỗ khéo léo nhiếp phục thân, miệng, ý mà phát khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Lại từ đâu mà phát khởi ba nghiệp thiện này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ sự thận trọng tư duy kỹ mà phát khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Sự thận trọng tư duy kỹ này từ đâu phát khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ chỗ thận trọng suy xét kỹ quán hành⁶ mà phát khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Thận trọng suy xét kỹ về quán hành từ đâu khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Từ chỗ ghi nhớ thụ trì không quên mà phát khởi.

Thiên tử:

- Thưa bồ-tát! Có mấy loại tâm ghi nhớ thụ trì không quên? Vì nhân duyên gì mà có các quả báo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Nay thiên tử! Đại bồ-tát có bốn loại phát tâm từ nhân được quả: Một, sơ phát tâm⁷; hai, chuyên tâm tu tập; ba, không lui sụt; bốn, đồng sinh ra với các pháp thiện. Nhờ sơ phát tâm mà được chuyên tâm, nhờ chuyên tâm tu tập mà không còn lui sụt, nhờ không lui sụt mà đồng sinh với các pháp thiện.

Lại nữa, nay thiên tử! Người sơ phát tâm giống như hạt giống được gieo trên ruộng tốt; chuyên tâm tu tập giống như mầm mới nứt; tu tập không lui sụt giống như thân, gốc, cành, lá tăng trưởng; đồng sinh với các pháp thiện giống như cây ra hoa kết trái rồi chín. Người sơ phát tâm giống như người thợ đóng xe biết rõ về các loại gỗ; chuyên tâm tu tập giống như ráp các bộ phận bằng gỗ đó lại; tu tập

không lui sụt giống như chiếc xe đã được hoàn thành; đồng sinh với các pháp thiện giống như công dụng chuyên chở của chiếc xe.

Người sơ phát tâm giống như mặt trăng ngày mồng một; chuyên tâm tu tập giống như mặt trăng ngày mồng năm cho đến ngày mồng bảy; tu tập không lui sụt giống như mặt trăng ngày mồng mười; đồng sinh với các pháp thiện giống như mặt trăng ngày mười bốn; trí tuệ Như Lai tròn đầy không khuyết giống như mặt trăng ngày rằm.

Lại nữa, này thiên tử! Người sơ phát tâm thì vượt qua giai vị Thanh văn; phát tâm lần thứ hai vượt qua giai vị Bích-chi-phật; phát tâm lần thứ ba vượt qua Bất định địa; phát tâm lần thứ tư thì đạt đến Định địa.

Giống như âm 'ác' và 'a' đều là căn bản của tất cả chữ; người sơ phát tâm cũng thế, là căn bản của tất cả pháp thiện. Như người học chữ, được chút ít trí tuệ; người chuyên tâm tu tập cũng vậy, có được chút ít trí tuệ. Giống như những nhà toán học tính lô lượng số, biết rõ từng phân lượng; người tâm không lui sụt cũng vậy, biết tâm không còn lui sụt. Như người thông suốt các kinh luận, đồng sinh với các pháp thiện, tâm thiện rõ ràng sáng suốt cũng giống như thế.

Lại nữa, này thiên tử! Người phát tâm lần đầu chuyên nghĩ nhớ nhân thiện; phát tâm lần thứ hai chuyên nghĩ nhớ trí tuệ; phát tâm lần thứ ba chuyên nghĩ nhớ thiên định; phát tâm lần thứ tư chuyên nghĩ nhớ đến quả.

Người phát tâm lần đầu thụ trì nhân thiện; phát tâm lần thứ hai thụ trì trí tuệ; phát tâm lần thứ ba thụ trì thiên định; phát tâm lần thứ tư thụ trì quả.

Người phát tâm lần đầu thành tựu nhân thiện; phát tâm lần thứ hai thành tựu trí tuệ; phát tâm lần thứ ba thành tựu thiên định; phát tâm lần thứ tư thành tựu chính quả.

Người phát tâm lần đầu nhờ thiện để vào đạo; phát tâm lần thứ hai nhờ trí để vào đạo; phát tâm lần thứ ba nhờ thiên để vào đạo; phát tâm lần thứ tư nhờ quả để vào đạo.

Người phát tâm lần đầu như thầy thuốc biết các loại thuốc; phát tâm lần thứ hai như thầy thuốc biết phân lượng thuốc; phát tâm lần thứ ba như thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc; phát tâm lần thứ tư như cho người bệnh uống thuốc.

Người phát tâm lần đầu sinh vào nhà Pháp vương; phát tâm lần thứ hai, học pháp của Pháp Vương; phát tâm lần thứ ba, tu theo hạnh Pháp vương; phát tâm lần thứ tư, hoàn thành giai vị Pháp vương.

Trên đây là bốn loại phát tâm.

Bấy giờ, thiên tử Tịnh Quang Diệm lại thưa:

- Thưa bồ-tát! Đại bồ-tát tu tập pháp môn gì để mau chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Này thiên tử! Có hai pháp môn giúp đại bồ-tát mau chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề: Một, pháp môn phương tiện; hai, pháp môn Bất-nhã. Vì thụ trì trí

phương tiện có thể quán xét tất cả chúng sinh; thụ trì Bát-nhã có thể quán sát tất cả pháp không, trừ được nghi chấp. Nhờ trí phương tiện nên hòa hợp các pháp; do Bát-nhã nên các pháp không hòa hợp. Phương tiện là nhân, bát-nhã là quả. Do phương tiện mà biết tất cả pháp; nhờ Bát-nhã mà biết các pháp là không. Dùng trí phương tiện trang nghiêm cõi Phật; nhờ Bát-nhã mà biết các cõi Phật đều bình đẳng. Do trí phương tiện nên biết căn tính của các chúng sinh có sai biệt; nhờ Bát-nhã, nên biết căn tính của các chúng sinh đều không. Nhờ phương tiện mà được vị cam-lộ, thành tựu bồ-đề; nhờ Bát-nhã, nên biết pháp chư Phật là chính đạo bình đẳng.

Lại nữa, này thiện tử! Có hai hạnh khiến đại bồ-tát mau chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề: Một, hạnh hữu vi; hai, hạnh vô vi. Hạnh hữu vi thì tóm thâu năm ba-la-mật; hạnh vô vi tóm thâu bát-nhã ba-la-mật.

Lại có hai hạnh khiến đại bồ-tát mau chóng được bồ-đề: Một, hạnh hữu lậu; hai, hạnh vô lậu. Hạnh hữu lậu là năm ba-la-mật; hạnh vô lậu là bát-nhã ba-la-mật.

Lại có hai hạnh có thể khiến đại bồ-tát mau chóng được bồ-đề: Một, hạnh trụ; hai, hạnh bất trụ. Hạnh trụ là năm ba-la-mật; hạnh bất trụ là bát-nhã ba-la-mật.

Lại có hai hạnh có thể khiến đại bồ-tát mau chóng được bồ-đề: Một, hạnh hữu lượng; hai, hạnh vô lượng. Hạnh hữu lượng là năm ba-la-mật; hạnh vô lượng là bát-nhã ba-la-mật. Hạnh hữu lượng là pháp hữu tướng; hạnh vô lượng là pháp vô tướng.

Lại có hai hạnh có thể khiến đại bồ-tát mau chóng được bồ-đề: Một, trí hạnh; hai, định hạnh. Từ Sơ địa cho đến Thất địa tu tập trí hạnh; từ Bát địa cho đến Thập địa tu tập định hạnh.

Khi ấy, bồ-tát Bất Khiếp Nhược Trí Tổng Trì thưa:

- Thưa bồ-tát! Đại bồ-tát hiểu nghĩa và trí như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Này thiện nam tử! Nghĩa vô thể, trí cũng vô thể.

Bồ-tát Bất Khiếp Nhược Trí Tổng Trì lại hỏi:

- Thưa bồ-tát! Thế nào là nghĩa vô thể và trí cũng vô thể?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Này thiện nam tử! Nghĩa vô thể, nghĩa chính là vô vi, vô tác, không tướng, không mạo, không đến, không đi. Trí vô thể, trí tức không phải pháp định, cũng không phải pháp bất định. Nghĩa thì vô thể, chẳng có, chẳng không. Trí thì thể không, chẳng có, chẳng không; không lấy, không bỏ. Ông hãy thụ trì như thế!

Lại nữa, 'nghĩa' thì chẳng phải định, chẳng phải không định; trí chính là tâm đạo, tâm và trí bình đẳng không sai biệt. Lại nữa, trí lấy thiên làm thể; thiên và trí bình đẳng không sai biệt. Dùng phương tiện quán âm, nhập, giới, mười hai nhân duyên sinh tử lưu chuyển, tướng thiện ác giống như huyễn hóa, chẳng có, chẳng không. Các đại bồ-tát nên quán các pháp như thế!

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại bồ-tát có mười trí hành: Một, trí nhân; hai, trí quả; ba, trí nghĩa; bốn, trí phương tiện; năm, trí bát-nhã; sáu, trí thụ trì; bảy, trí ba-la-mật; tám, trí đại bi; chín, trí thương xót giáo hóa chúng sinh; mười, trí không chấp tất cả pháp.

Đại bồ-tát nên phát khởi mười hạnh thanh tịnh: Một, phát khởi thân nghiệp thanh tịnh của chính mình; hai, phát khởi thân nghiệp thanh tịnh của tất cả chúng sinh; ba, phát khởi khẩu nghiệp thanh tịnh của bản thân; bốn, phát khởi khẩu nghiệp thanh tịnh của tất cả chúng sinh; năm, phát khởi ý nghiệp thanh tịnh của bản thân; sáu, phát khởi ý nghiệp thanh tịnh của tất cả chúng sinh; bảy, phát khởi hạnh thanh tịnh bình đẳng cho tất cả chúng sinh; tám, phát khởi hạnh thanh tịnh bình đẳng ngoài tất cả chúng sinh; chín, phát khởi trí thanh tịnh của chư Phật; mười, phát khởi hạnh nguyện làm thanh tịnh quốc độ Phật và giúp chúng sinh thành tựu Phật đạo. Nếu có chúng sinh bệnh tật, thì cung cấp thuốc men để họ được khỏe mạnh; người nhiều phiền não, thì dùng trí vô vi mà giáo hóa họ, khiến họ ra khỏi ba cõi và đầy đủ tất cả công đức trí tuệ của đạo vô vi. Đây gọi là bồ-tát đầy đủ mười hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, đại bồ-tát có mười phương tiện: Một, phương tiện ba-la-mật; hai, phương tiện thụ trì; ba, phương tiện trí tuệ; bốn, phương tiện phương tiện; năm, phương tiện đại bi; sáu, phương tiện đầy đủ trí; bảy, phương tiện đầy đủ tuệ; tám, phương tiện niệm an tĩnh; chín, phương tiện hạnh chân thật; mười, phương tiện bình đẳng không thương ghét tất cả chúng sinh.

Đại bồ-tát lại có mười loại phân biệt vô tận nơi thân: Một, phân biệt sự vật vô tận; hai, phân biệt phiền não vô tận; ba, phân biệt pháp vô tận; bốn, phân biệt khát ái vô tận; năm, phân biệt các kiến vô tận; sáu, phân biệt thiện ác vô tận; bảy, phân biệt sự tạo tác vô tận; tám, phân biệt tâm không chấp trước vô tận; chín, phân biệt hòa hợp vô tận; mười, phân biệt trí bồ-đề viên mãn vô tận.

Đại bồ-tát có mười hạnh điều phục: Một, điều phục để tu thiện; hai, điều phục tâm bốn xén, thực hành bố thí nhiều; ba, điều phục tâm không tinh tiến; bốn, điều phục ba nghiệp; năm, điều phục tâm ác độc, không còn sân giận; sáu, điều phục để phát khởi tâm từ mẫn; bảy, điều phục tâm lười biếng; tám, điều phục để siêng tu pháp Phật; chín, điều phục tâm bất thiện, không làm các việc ác; mười, điều phục để được thiên định tự tại giải thoát.

Bồ-tát lại có mười hạnh điều phục khác: Một, điều phục phá ngu si vô trí; hai, điều phục phương tiện tổng trì bát-nhã ba-la-mật; ba, điều phục phiền não; bốn, điều phục sinh khởi đạo; năm, điều phục tổng trì chân thật; sáu, điều phục để không rơi vào đường ác; bảy, điều phục tâm bất thiện; tám, điều phục sự tự tại đúng thời và không đúng thời; chín, điều phục tự thân; mười, điều phục quán không.

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại bồ-tát lại có mười hạnh điều phục khác. Đó là, điều phục để xa lìa ba nghiệp ác của thân, bốn nghiệp ác của miệng và ba nghiệp

ác của ý. Đại bồ-tát còn có mười pháp quán bên trong và bên ngoài mà không khởi chấp trước: Một, quán trong thân đều là không, không khởi chấp trước; hai, quán ngoài thân cũng đều là không, không khởi chấp trước; ba, quán các pháp bên trong và bên ngoài thân đều là không, không chấp trước; bốn, không chấp trước tất cả trí; năm, không chấp trước tất cả pháp tu tập; sáu, quán các giai vị Hiền thánh mà không chấp trước; bảy, tu tập lâu dài được thanh tịnh mà không chấp trước; tám, trụ vào bát-nhã ba-la-mật mà không chấp trước; chín, thuyết giảng kinh luận giáo hóa chúng sinh mà không chấp trước; mười, quán các chúng sinh, phát khởi phương tiện lớn, từ bi thương xót mà không chấp trước.

Này thiện nam tử! Đại bồ-tát nên như thế mà giữ tâm kiên cố tu đạo bồ-đề. Nếu không có tâm bồ-đề kiên cố như thế, thì không gọi là bồ-tát. Thế nào là kiên cố? Đó là ba nghiệp thân, miệng, ý tương ưng, không trái ngược nhau. Thế nào là không kiên cố? Đó là ba nghiệp thân, miệng, ý không tương ưng và trái ngược nhau.

Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính, để giữ vững tâm bồ-đề: Một, chính niệm bồ-đề; hai, tu tập thiền định đoạn các phiền não.

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính kiên cố: Một, điều thân mình; hai, điều thân chúng sinh.

Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính kiên cố: Một, siêng năng tu tập, được Nhất thiết trí; hai, không tu tập mà được Nhất thiết trí.

Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính kiên cố: Một, trụ giai vị phương tiện; hai, trụ giai vị bất động.

Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính kiên cố: Một, xa lìa cõi nhiễm; hai, dùng phương tiện tự tu tập viên mãn từng giai vị.

Đại bồ-tát lại có hai hạnh chân chính kiên cố: Một, thị hiện giai vị Thanh văn và Bích-chi-phật; hai, không lui sụt phương tiện đạt bồ-đề Phật.

Này thiện nam tử! Đại bồ-tát dùng vô lượng phương tiện chính hạnh kiên cố như thế để được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề!

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Hay thay, hay thay! Văn-thù-sư-lợi đã giảng nói những lời này!

Khi nghe Đức Phật thuyết pháp này, bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng vô lượng người, trời, a-tu-la, càn-thát-bà, ... liền tin nhận, đảnh lễ, hoan hỉ vâng theo.

---o0o---

Hết

¹ Bà-già-bà: 婆伽婆 Phạm: Bhagavat. Một trong các hiệu của chư Phật. Hán dịch: Thế Tôn, bậc có đầy đủ mọi đức, được người đời tôn trọng cung kính.

² Thành Già-da 伽耶城: đô thành của nước Ma-kiệt-đà thuộc Ấn-độ thời xưa.

³ Tiên nhân Loa Ké 螺髻仙人: Tiên thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Theo luận Đại trí độ 17, thuở xưa, đức Thích-ca là vị tiên tên Thượng xà-lê, vì có búi tóc hình tròn ốc trên đỉnh đầu nên gọi là tiên nhân Loa Ké.

⁴ Khát ái 渴愛: Tâm mong cầu ái dục không biết nhàm chán phàm phu, giống như người khát đi tìm nước.

⁵ Dị kiến 異見 Thấy hiểu khác. Chỉ kiến giải xấu ác do phiền não sinh khởi.

⁶ Quán hành 觀行 Hành pháp quán tâm. Tức là tu hành quán tâm, soi rọi tâm mình để rõ suốt bản tính.

⁷ Sơ phát tâm 初發心: Lần đầu tiên tâm phát khởi cầu bồ-đề.